

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 24/BM/2024**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7192355; Fax: 0243.7191466

Email: banhkeobaominh@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0101966872.

Công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh đã được cấp giấy:

- Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018
- Chứng nhận hệ thống Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn – HACCP

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: SANDOCHI (BÁNH MỊN) NHÂN PHO MAI**

**2. Thành phần:** Bột mì, nhân pho mai (35 %), đường kính, bơ thực vật, trứng gà, nước sạch, sữa bột, muối tinh, men *Saccharomyces cerevisiae*, Fructose syrup, chất làm ẩm (422), chất nhũ hóa (471, 481(i), 491), chất xử lý bột (1100(i), 1101(i)), chất chống oxi hoá (300), chất bảo quản (282).

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 02 tháng kể từ ngày sản xuất, bảo quản ở nhiệt độ thường.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói bằng màng PA/PE, BOPP/PP đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 5 g/gói, 8 g/gói, 10 g/gói, 12 g/gói, 15 g/gói, 20 g/gói, 25 g/gói, 30 g/gói, 35 g/gói, 40 g/gói, 45 g/gói, 50 g/gói, 55 g/gói, 60 g/gói, 65 g/gói, 70 g/gói, 75 g/gói, 80 g/gói, 85 g/gói, 90 g/gói, 95 g/gói, 100 g/gói, 105 g/gói, 110 g/gói, 115 g/gói, 120 g/gói, 125 g/gói, 130 g/gói, 135 g/gói, 140 g/gói, 150 g/gói, 155 g/gói, 160 g/gói, 165 g/gói, 170 g/gói, 175 g/gói, 180 g/gói, 190 g/gói, 195 g/gói, 200 g/gói, 205 g/gói, 210 g/gói, 220 g/gói, 225 g/gói, 230 g/gói, 240 g/gói, 250 g/gói, 255 g/gói, 260 g/gói, 270 g/gói, 280 g/gói, 290 g/gói, 300 g/gói, 320 g/gói, 330 g/gói, 350 g/gói, 400 g/gói, 450 g/gói, 500 g/gói, 550 g/gói, 600 g/gói, 700 g/gói, 750 g/gói, 800 g/gói, 850 g/gói, 900 g/gói, 950 g/gói, 1 kg/gói.

Hoặc đóng gói theo nhu cầu kinh doanh của đơn vị.



### III. Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến:

Sản phẩm của: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Cửa hàng giới thiệu sản phẩm: Số 12 Hàng Than – Q. Ba Đình – TP. Hà Nội.

Hotline: 1900636443

ISO 22000 : 2018

Website: [www.banhbaominh.com](http://www.banhbaominh.com)

**Sản xuất tại:**

#### 1. CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH (A)

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

#### 2. CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH - CHI NHÁNH PHÍA NAM (B)

Địa chỉ: Lô số 54 Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

*Ghi chú: Ký hiệu nơi sản xuất xem cạnh ngày sản xuất.*

### SANDOCHI (BÁNH MỊN) NHÂN PHO MAI

**Thành phần:** Bột mì, nhân pho mai (35 %), đường kính, bơ thực vật, trứng gà, nước sạch, sữa bột, muối tinh, men *Saccharomyces cerevisiae*, Fructose syrup, chất làm ẩm (422), chất nhũ hóa (471, 481(i), 491), chất xử lý bột (1100(i), 1101(i)), chất chống oxi hoá (300), chất bảo quản (282).

#### THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	385.4 ± 5 %	kcal	19 %
Chất đạm (Protein)	5.1 ± 5 %	g	10 %
Carbohydrate	45.1 ± 5 %	g	14 %
Đường tổng số (Total Sugars)	16.6 ± 5 %	g	-
Chất béo (Fat)	20.4 ± 5 %	g	37 %
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	9.2 ± 5 %	g	46 %
Natri (Sodium)	127.8 ± 5 %	mg	6 %

\* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2000kcal/người/ngày.

**Ngày sản xuất, hạn sử dụng, khối lượng tịnh:** In trên bao bì.

**Thông tin, cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm hết hạn.

Sản phẩm có chứa lúa mì, sữa, trứng.

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- \* Sản phẩm chín ăn liền.
- \* Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

**Xuất xứ:** Việt Nam.

#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

- \* Công ty sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo :
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
  - Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về việc ban hành quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
  - Thông tư số 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
  - Nghị định 43/2017/NĐ-CP nghị định về nhãn hàng hóa.
  - Thông tư số 05/2019/TT-BKHCN thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
  - Nghị định số 111/2021/NĐ-CP nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
  - Thông tư 29/2023/TT-BYT thông tư hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm : QCVN 8-1: 2011/BYT.
  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm : QCVN 8-2: 2011/BYT.
  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm: QCVN 8-3: 2012/BYT.

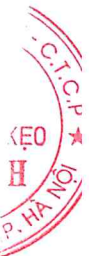
\* Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Ngô Thị Linh*





Mã số/ Code: DV241004.16/03

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

### I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : Sandochi (bánh mỳ) nhân Pho mai
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nguyên thành phẩm, đựng trong túi kín, NSX: 04/10/2024, HSD: 04/12/2024
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 04/10/2024
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 04/10/2024-11/10/2024
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 11/10/2024

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
1	Trạng thái cảm quan	-	Sản phẩm có hình thuôn, vỏ bánh có màu trắng, mềm; nhân bánh có màu cam. Mùi vị đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi vị lạ. Không có tạp chất nhìn bằng mắt thường	VNT.H.03.V.42	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
2	Trị số axit	mgKOH/g	0,36	Ref. TCVN 6127:2010	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
3	Đường tổng số	%	16,66	TCVN 4074: 2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241004.16/03

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
4	Chất đạm (Protein)	%	5,18	Ref. TCVN 8125:2015	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
5	Carbohydrate	%	45,18	VNT.H.03.Fo.187	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
6	Chất béo (Fat)*	%	20,44	TCVN 4072:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
7	Hàm lượng ẩm	%	28,5	TCVN 4069:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
8	Chất bảo quản: Calcium propionate (E282)	mg/kg	940,25	VNT.H.03.Fo.202	3000 <sup>(2)</sup>
9	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	4 <sup>(3)</sup>
10	Aflatoxin B1*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	2 <sup>(3)</sup>
11	Ochratoxin A (OTA)*	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)	3 <sup>(3)</sup>
12	Deoxynivalenol (DON)*	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)	500 <sup>(3)</sup>
13	Zearalenone (ZEN)*	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181 (2021)	50 <sup>(3)</sup>
14	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009	0,2 <sup>(4)</sup>
15	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009	0,2 <sup>(4)</sup>
16	Arsen (As)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	VNT.H.03.Fo.98 (2022)	1 <sup>(5)</sup>
17	Dư lượng hóa chất BVTV: Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.151 (Ref. AOAC 2007.01)	-
18	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4884-1:2015	10 <sup>4(5)</sup>
19	Tổng số nấm men - nấm mốc*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010	10 <sup>2(5)</sup>
20	Coliforms*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007	10 <sup>5(5)</sup>
21	E. coli*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008	3 <sup>(5)</sup>
22	Staphylococci dương tính với coagulase*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4830-1:2005	10 <sup>5(5)</sup>

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241004.16/03

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
23	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005	10 <sup>(5)</sup>
24	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005	10 <sup>(5)</sup>
25	<i>Salmonella spp.</i> *	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017	KPH <sup>(5)</sup>

**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Thuốc BVTV: Thuốc bảo vệ thực vật
- (1): Tiêu chuẩn cơ sở của công ty Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Bảo Minh
- (2): Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- (3): QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- (4): QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- (5): Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- (-): Không quy định

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR



**THỊ TRỊNH CÔNG SƠN**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241004.16/04

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

### I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : Sandochi (bánh mỳ) nhân Pho mai
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nguyên thành phẩm, đựng trong túi kín, NSX: 04/10/2024, HSD: 04/12/2024
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 04/10/2024
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 04/10/2024-11/10/2024
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 11/10/2024

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng (Energy)	kcal/100g	385,4	VNT.H.03.Fo.277
2	Chất đạm (Protein)	%	5,18	Ref. TCVN 8125:2015
3	Carbohydrate	%	45,18	VNT.H.03.Fo.187
4	Đường tổng số (Total Sugars)	%	16,66	TCVN 4074: 2009
5	Chất béo (Fat)*	%	20,44	TCVN 4072:2009
6	Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	%	9,20	AOAC 996.06

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV241004.16/04

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
7	Natri (Sodium)	mg/100g	127,8	TCVN 10916:2015
8	Bảng thành phần dinh dưỡng/ Nutrition facts	-	Xem bảng đính kèm	-

**Ghi chú/ Note:**

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành/ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**

QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**

DIRECTOR



**TRẦN TRỊNH CÔNG SƠN**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

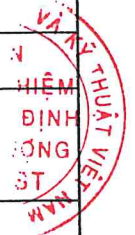


Mã số/ Code: DV241004.16/04

## BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	385.4	Kcal	19%
Chất đạm (Protein)	5.1	g	10%
Carbohydrate	45.1	g	14%
Đường tổng số (Total Sugars)	16.6	g	-
Chất béo (Fat)	20.4	g	37%
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	9.2	g	46%
Natri (Sodium)	127.8	mg	6%

\* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000kcal/người/ngày.



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

#### SANDOCHI (BÁNH MÌN) NHẪN PHO MAI

##### Thành phần:

Bột mì, nhặn pho mai (35 %), đường kính, bơ thực vật, trứng gà, nước sạch, sữa bột, muối tinh, men Saccharomyces cerevisiae, Fructose syrup, chất làm đặc (422), chất nhũ hóa (471, 481(i), 491), chất xử lý bột (1100(i), 1101(i)), chất chống oxy hoá (300), chất bảo quản (282).

##### Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

Sản phẩm chín ăn liền.

Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

**Thông tin, cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm hết hạn. Sản phẩm có chứa lúa mì, sữa, trứng.

Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	385.4 ± 5 %	kcal 19 %
Chất đạm (Protein)	5.1 ± 5 %	g 10 %
Carbohydrate	45.1 ± 5 %	g 14 %
Đường tổng số (Total Sugars)	16.6 ± 5 %	g -
Chất béo (Fat)	20.4 ± 5 %	g 37 %
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	9.2 ± 5 %	g 46 %
Natri (Sodium)	127.8 ± 5 %	mg 6 %

\*% giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2000kcal/người/ngày.

Xuất xứ: Việt Nam

Ngày sản xuất, hạn sử dụng, khối lượng tịnh:

In trên bao bì.

Khối lượng tịnh: 200 g (10 chiếc x 20 g).



8 93 6017 562380



Túi 10 chiếc

**NHẪN PHO MAI**  
**BỮA ĂN TIỆN LỢI HÀNG NGÀY**



# SANDOCHI

## BÁNH MÌN



ISO 22000 : 2018

##### Sản phẩm của:

##### Công ty Cổ phần bánh mì kẹo Bảo Minh

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Cửa hàng giới thiệu sản phẩm: Số 12 Hàng Than - Q. Ba Đình - TP. Hà Nội.

Hotline: 1900636443

Website: [www.banhbaominh.com](http://www.banhbaominh.com)

##### Sản xuất tại:

##### 1. Công ty cổ phần bánh mì kẹo Bảo Minh (A)

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

##### 2. Công ty cổ phần bánh mì kẹo Bảo Minh

##### Chi nhánh phía Nam (B)

Địa chỉ: Lô số 54 Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Ghi chú: Ký hiệu nơi sản xuất xem ngày sản xuất.



Sản phẩm của: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÌT KÉO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (Khu B),

P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Cửa hàng giới thiệu sản phẩm: Số 12 Hàng Than - Q. Ba Đình - TP. Hà Nội.

Hotline: 1900636443

Website: [www.banhbaominh.com](http://www.banhbaominh.com)

Sản xuất tại :

**1. CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÌT KÉO BẢO MINH (A)**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long

(Khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Ghi chú: *Ký hiệu nơi sản xuất xem cạnh ngày sản xuất.*

Xuất xứ: Việt Nam

Ngày sản xuất, hạn sử dụng, khối lượng tịnh:

in trên bao bì.

Khối lượng tịnh: 20 g.

**ISO 22000 : 2018**

**2. CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÌT KÉO BẢO MINH -**

**CHI NHÁNH PHÍA NAM (B)**

Địa chỉ: Lô số 54 Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo,

P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.



Wow

# ĐÁNG YẾU

thế!

# SANDO

# BÁNH MÌN CHI

## NHÂN PHO MAI

### SANDOCHI (BÁNH MÌN) NHÂN PHO MAI

#### Thành phần:

Bột mì, nhân pho mai (35 %), đường kính, bơ thực vật, trứng gà, nước sạch, sữa bột, muối tinh, men *Saccharomyces cerevisiae*, Fructose syrup, chất làm ẩm (422), chất nhũ hóa (471, 481(i), 491), chất xử lý bột (1100(i), 1101(i)), chất chống oxi hoá (300), chất bảo quản (282).

#### Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

Sản phẩm chín ăn liền.

Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

**Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm hết hạn. Sản phẩm có chứa lúa mì, sữa, trứng.

#### THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	385,4 ± 5 % kcal	19 %
Chất đạm (Protein)	5,1 ± 5 % g	10 %
Carbohydrate	45,1 ± 5 % g	14 %
Đường tổng số (Total Sugars)	16,6 ± 5 % g	-
Chất béo (Fat)	20,4 ± 5 % g	37 %
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	9,2 ± 5 % g	46 %
Natri (Sodium)	127,8 ± 5 % mg	6 %

\*% giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2000kcal/người/ngày.



**SANDOCHI (BÁNH MÌN) NHÂN PHO MAI****Thành phần:**

Bột mì, nhân pho mai (35 %), đường kính, bơ thực vật, trứng gà, nước sạch, sữa bột, muối tinh, men Saccharomyces cerevisiae, Fructose syrup, chất làm ẩm (422), chất nhũ hóa (471, 481(i), 491), chất xử lý bột (1100(i), 1101(i)), chất chống oxy hoá (300), chất bảo quản (282).

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

Sản phẩm chín ăn liền.

Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

**Thông tin, cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm hết hạn. Sản phẩm có chứa lúa mì, sữa, trứng.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)	
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g % giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	385,4 ± 5 % kcal 19 %
Chất đạm (Protein)	5,1 ± 5 % g 10 %
Carbohydrate	45,1 ± 5 % g 14 %
Đường tổng số (Total Sugars)	16,6 ± 5 % g -
Chất béo (Fat)	20,4 ± 5 % g 37 %
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	9,2 ± 5 % g 46 %
Natri (Sodium)	127,8 ± 5 % mg 6 %

\* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2000kcal/ngày.

**Xuất xứ:** Việt Nam  
**Ngày sản xuất, hạn sử dụng, khối lượng tịnh:**  
In trên bao bì.

**Khối lượng tịnh:** 100 g (05 chiếc x 20 g).



Túi 5 chiếc

**NHÂN PHO MAI**  
**BỮA ĂN TIỆN LỢI HÀNG NGÀY**



**BÁNH MÌN**  
**SANDOCHI**



Sản phẩm của: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÌT KẸO BẢO MINH**  
Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.  
Cửa hàng giới thiệu sản phẩm: Số 12 Hàng Than – Q. Ba Đình – TP. Hà Nội.  
Hotline: 1900636443  
Website: www.banhbaominh.com

Sản xuất tại :

**1. CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÌT KẸO BẢO MINH (A)**  
Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.  
**2. CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÌT KẸO BẢO MINH - CHI NHÁNH PHÍA NAM (B)**  
Địa chỉ: Lô số 54 Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Ghi chú: Ký hiệu nơi sản xuất xem cạnh ngày sản xuất.



8 1936017156251 9